

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHẤT LƯỢNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA GIẢNG VIÊN TẠI HỌC VIỆN TÒA ÁN

DƯƠNG THỊ HUẾ
TRINH THỊ HẠNH
Học viện Tòa án

Nhận bài ngày 23/7/2026. Sửa chữa xong 08/9/2026. Duyệt đăng 15/9/2026.

Abstract

In higher education, lecturers' competence is reflected in both their teaching performance and their research outcomes. This study identifies factors influencing the quality of lecturers' scientific research and assesses their influence through a survey of 22 full-time lecturers at the Vietnam Court Academy. The findings indicate that research quality is influenced by four main groups of factors: research competence; awareness of and motivation for research; the adequacy of research conditions and supporting facilities; and institutional mechanisms and policies for managing and encouraging scientific research. Based on these findings, the study proposes measures to improve the quality of lecturers' scientific research, thereby contributing to higher education innovation and judicial reform in the current context.

Keywords: Influencing factors, lecturers, research quality, scientific research, Vietnam Court Academy.

1. Đặt vấn đề

Trong các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam, nghiên cứu khoa học (NCKH), giảng dạy, phục vụ cộng đồng và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác hợp thành những chức năng cơ bản của đội ngũ giảng viên (GV). Thông qua hoạt động nghiên cứu, GV không chỉ bổ sung và phát triển tri thức chuyên môn mà còn góp phần đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, thúc đẩy sáng tạo và nâng cao năng lực học thuật của cơ sở giáo dục. Đối với Học viện Tòa án, kết quả NCKH là một trong những căn cứ được sử dụng trong quá trình đánh giá, xếp loại GV hằng năm. Do đó, việc xác định và phân tích các nhân tố chi phối chất lượng NCKH có ý nghĩa thiết thực trong xây dựng các giải pháp phù hợp, qua đó cải thiện hiệu quả nghiên cứu, chất lượng đào tạo và vị thế học thuật của Học viện.

2. Một số vấn đề lý luận về hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên

2.1. Khái niệm nghiên cứu khoa học và hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên

Hiện nay, khái niệm NCKH được các tác giả diễn giải theo nhiều quan điểm khác nhau. Theo Vũ Cao Đàm, “nghiên cứu khoa học là sự tìm kiếm những điều mà khoa học chưa biết hoặc là phát hiện bản chất sự vật, phát triển nhận thức khoa học về thế giới; hoặc là sáng tạo phương pháp mới và phương tiện kỹ thuật mới để làm biến đổi sự vật phục vụ cho mục tiêu hoạt động của con người” (Vũ Cao Đàm, 2006, tr. 17). Trong khi đó, Nguyễn Văn Thắng nhìn nhận NCKH như một quá trình nhận diện và xem xét có hệ thống các hiện tượng, qua đó hình thành và mở rộng những tri thức mới (Nguyễn Văn Thắng, 2015, tr. 11).

Theo quan niệm của Phạm Viết Vượng, NCKH là một dạng hoạt động sáng tạo của chủ thể nghiên cứu, hướng tới việc nhận thức hiện thực khách quan, hình thành những tri thức có giá trị và vận dụng các tri thức đó vào quá trình cải biến thế giới (Phạm Viết Vượng, 2004, tr. 41). Tuy nhiên, Mai Anh Vũ lại nhấn mạnh tính khám phá và ứng dụng của NCKH khi cho rằng đây là hoạt động tìm hiểu bản chất, quy luật của các sự vật, hiện tượng trong tự nhiên, xã hội và tư duy; đồng thời là quá trình hình thành, chứng minh các luận điểm khoa học và đề xuất các giải pháp có khả năng ứng dụng vào thực tiễn. (Mai Anh Vũ, 2020)

Email: hueduongnv@gmail.com

Nhìn chung, mặc dù được tiếp cận từ những góc độ khác nhau, các quan điểm nêu trên đều thống nhất ở việc xem nghiên cứu khoa học là hoạt động có mục đích nhằm khám phá, phát hiện và phát triển tri thức mới phục vụ nhu cầu nhận thức và thực tiễn của con người. Trên cơ sở kế thừa các quan điểm đó, trong phạm vi nghiên cứu này, NCKH được hiểu là *“hoạt động có mục đích của nhà nghiên cứu nhằm tìm kiếm, khám phá thế giới khách quan nhằm phát hiện ra bản chất của sự vật, hiện tượng, từ đó tạo ra hệ thống tri thức khoa học mới, góp phần làm biến đổi đối tượng nhận thức và đáp ứng các nhu cầu, mục đích của con người”*.

Đối với đội ngũ GV đại học, NCKH không chỉ là nhiệm vụ chuyên môn thường xuyên mà còn là một cấu phần quan trọng trong hoạt động học thuật của mỗi cơ sở đào tạo. Chất lượng hoạt động NCKH không chỉ tác động trực tiếp đến chất lượng và hiệu quả của hoạt động đào tạo mà còn góp phần quan trọng trong việc nâng cao năng lực chuyên môn, năng lực nghiên cứu và khả năng đổi mới sáng tạo của đội ngũ GV.

Theo phương pháp đánh giá của các bảng xếp hạng đại học quốc tế, năng lực nghiên cứu và kết quả công bố khoa học là những chỉ báo có ảnh hưởng đáng kể đến vị thế của mỗi cơ sở giáo dục đại học. Trong đó, tiêu chí nghiên cứu có thể được phân bổ trọng số khoảng 30%, bên cạnh các nhóm tiêu chí về môi trường giảng dạy; mức độ ảnh hưởng của công trình thông qua trích dẫn; khả năng quốc tế hóa đội ngũ, người học và hoạt động nghiên cứu; cùng nguồn thu từ chuyển giao tri thức (Times Higher Education, 2019). Có thể khẳng định, NCKH là một trụ cột của giáo dục đại học. Thông qua hoạt động này, GV có điều kiện củng cố năng lực chuyên môn, đổi mới nội dung và phương pháp đào tạo, đồng thời tạo lập những tri thức và giải pháp mới phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội và tiến bộ chung của cộng đồng.

Hoạt động NCKH của GV được triển khai dưới nhiều dạng thức, từ chủ trì hoặc tham gia các đề tài ở các cấp khác nhau; chỉnh sửa, biên tập và viết mới giáo trình, tập bài giảng; xây dựng tham luận tại các hội thảo, tọa đàm khoa học; công bố bài viết trên các báo, tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước; đến hướng dẫn sinh viên thực hiện các đề tài NCKH.

Từ những phân tích trên, có thể định nghĩa như sau: *“Hoạt động nghiên cứu khoa học của GV là quá trình nhận thức và sáng tạo được tiến hành một cách có mục đích, có phương pháp, trong đó GV sử dụng kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghiên cứu và các phương tiện khoa học để phân tích, lý giải bản chất, mối liên hệ và quy luật vận động của các sự vật, hiện tượng trong tự nhiên, xã hội và tư duy; qua đó hình thành tri thức mới, đề xuất giải pháp hoặc tạo ra sản phẩm khoa học có giá trị lý luận và thực tiễn. Hoạt động này đồng thời góp phần bổ sung nội dung học thuật cho quá trình giảng dạy, nâng cao năng lực nghiên cứu của GV và người học, cũng như thúc đẩy sự phát triển của khoa học và công nghệ”*.

2.2. Cơ sở xác định các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng nghiên cứu khoa học của giảng viên

Hoạt động NCKH và các tiêu chí phản ánh chất lượng nghiên cứu của GV đã được xem xét trong nhiều công trình ở cả trong nước và quốc tế. Kết quả của các nghiên cứu cho thấy những nhân tố chi phối hoạt động này không hoàn toàn đồng nhất, mà có sự khác biệt tùy theo điều kiện kinh tế, xã hội, môi trường học thuật và đặc điểm của từng cơ sở giáo dục được khảo sát.

2.2.1. Dưới góc độ quốc tế, các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên được xác định khác nhau tùy thuộc vào từng bối cảnh

Trong nghiên cứu của mình, Muhammad Zafar Iqbal và Azhar Mahmood xác định một số rào cản chủ yếu đối với hoạt động nghiên cứu khoa học, gồm: Khối lượng giờ giảng dạy; Nhiệm vụ hành chính và nhiệm vụ học tập; Thiếu kinh phí; Khó khăn trong tìm kiếm và phát hiện các vấn đề nghiên cứu; Thái độ chưa tích cực của GV đối với nghiên cứu; Thiếu kỹ năng; Sự thiếu hụt nguồn tài liệu và các ấn phẩm khoa học chuyên ngành (Iqbal & Mahmood, 2011).

Ngược lại, tiếp cận dưới góc độ động lực thúc đẩy, các tác giả Svodziwa Mathew, Kurete Faith, Gwangwara Edward lại chỉ ra rằng hành động NCKH được diễn ra khi đảm bảo được các yếu tố như: Mức lương tốt, sự công bằng của tổ chức, tiền thưởng sản phẩm, trạng thái tâm lý của GV, cơ chế thăng tiến nội bộ, vai trò của chính sách giáo dục, sự định hướng của nhà quản lý và yếu tố đồng nghiệp. (Svodziwa et al., 2016). Ngoài ra, N. Boru cũng đã khám phá ra hoạt động NCKH bị chi phối bởi các yếu

tố: Mục đích phi vật chất, sự thành công, đặc điểm cá nhân, sinh viên, chính sách giáo dục quốc gia, hiệu trưởng nhà trường và đồng nghiệp. (Boru, 2018)

Bên cạnh đó, nghiên cứu của Sylvestre Munyengabe, Haiyan He Zhao Yiyi cho thấy động lực NCKH của GV chịu ảnh hưởng đáng kể từ chế độ tiền lương, môi trường làm việc, chính sách khuyến khích, các điều kiện xã hội và mức độ gắn bó với nghề. (Munyengabe et al., 2016)

2.2.2. Ở nước ta, vấn đề tính tích cực, chất lượng và động lực nghiên cứu khoa học của giảng viên đã trở thành chủ đề nhận được sự quan tâm của nhiều công trình nghiên cứu

Tổng hợp các công trình cho thấy hoạt động NCKH của GV chịu ảnh hưởng đồng thời từ nhiều nhóm nhân tố. Trên cơ sở khảo sát 215 GV đang công tác tại các trường cao đẳng công lập trên địa bàn thành phố Cần Thơ, Huỳnh Thanh Nhã đã xác định các nhân tố tác động đến khả năng tham gia hoạt động NCKH của GV gồm: (1) Môi trường làm việc; (2) Nhận thức; (3) Năng lực cá nhân; (4) Động cơ thực hiện; (5) Tuổi và lĩnh vực chuyên môn của GV. (Huỳnh Thanh Nhã, 2016)

Tương tự, kết quả nghiên cứu của Lê Thị Thương, được thực hiện trên 218 GV Trường Đại học Hà Nội, cho thấy động lực NCKH của GV chịu sự chi phối của các nhóm yếu tố sau: (1) Năng lực chuyên môn của GV; (2) Các vấn đề xã hội của GV; (3) Môi trường NCKH của Trường; (4) Sự hỗ trợ của nhà trường cho hoạt động NCKH; (5) Nhận thức của GV về NCKH. (Lê Thị Thương, 2020)

Bên cạnh đó, Đỗ Thị Hoài Vân và Lê Huy Tùng (thông qua khảo sát 300 GV tại 07 trường đại học/viện/khoa trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội) chỉ ra rằng năng lực NCKH của GV chịu tác động bởi 5 nhân tố: Cơ chế chính sách dành cho hoạt động NCKH; Nhận thức về hoạt động NCKH; Sự hỗ trợ của đơn vị; Động cơ NCKH; Lĩnh vực chuyên môn của GV và kinh phí. (Đỗ Thị Hoài Vân & Lê Huy Tùng, 2022)

Ngoài ra, nghiên cứu của Lê Vũ Đức cũng cho thấy vai trò quan trọng của sự quan tâm từ lãnh đạo nhà trường, năng lực và kinh nghiệm nghiên cứu của GV, chế độ chính sách và môi trường nghiên cứu trong việc phát huy năng lực NCKH (Lê Vũ Đức, 2022).

Nhìn chung, các nghiên cứu trước đây cho thấy chất lượng hoạt động NCKH của GV là kết quả của sự tác động tổng hợp từ nhiều nhóm yếu tố khác nhau, bao gồm các yếu tố thuộc bản thân GV và các yếu tố thuộc môi trường tổ chức. Trên cơ sở kế thừa các kết quả nghiên cứu này, bài viết xác định các nhóm yếu tố có khả năng ảnh hưởng đến chất lượng NCKH của GV tại Học viện Tòa án làm cơ sở cho việc khảo sát, phân tích và đánh giá ở các phần tiếp theo.

3. Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng nghiên cứu khoa học của giảng viên Học viện Tòa án

Để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng NCKH của GV tại Học viện Tòa án, nhóm tác giả đã khảo sát 22/36 GV cơ hữu bằng bảng hỏi trực tuyến trên nền tảng Google Forms.

Nhóm tác giả nhận thấy có 4 nhóm yếu tố ảnh hưởng đến việc nâng cao chất lượng hoạt động NCKH của GV tại cơ sở giáo dục đại học này bao gồm: Năng lực NCKH; Ý thức động lực NCKH; Các điều kiện, phương tiện phục vụ, hỗ trợ hoạt động NCKH; Các chủ trương chính sách về NCKH của GV (xem bảng 1).

Bảng 1: Kết quả khảo sát về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đối với hoạt động NCKH của GV Học viện Tòa án

STT	Yếu tố ảnh hưởng	Rất quan trọng	Quan trọng	Không quan trọng	Tổng
1	Ý thức, động lực NCKH	17	5	0	22
2	Năng lực NCKH	18	4	0	22
3	Đặc điểm giới tính	5	4	13	22
4	Thâm niên công tác	7	10	5	22
5	Kinh nghiệm NCKH	11	11	0	22
6	Khối lượng công việc	13	9	0	22
7	Kinh phí đầu tư cho NCKH	11	9	2	22
8	Các điều kiện, phương tiện phục vụ NCKH	9	13	0	22
9	Công tác tổ chức NCKH	10	11	1	22

STT	Yếu tố ảnh hưởng	Rất quan trọng	Quan trọng	Không quan trọng	Tổng
10	Chế độ, chính sách về NCKH	13	8	1	22
11	Môi trường sinh hoạt khoa học	13	9	0	22
12	Đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước	10	12	0	22

(Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm tác giả, tháng 5/2026)

3.1. Năng lực nghiên cứu khoa học

Từ kết quả khảo sát ở trên, nhóm tác giả nhận thấy năng lực NCKH là yếu tố có ảnh hưởng lớn nhất đến chất lượng hoạt động NCKH của GV Học viện Tòa án, với 18/22 GV đánh giá đây là yếu tố quan trọng hàng đầu và 11/22 giảng viên cho rằng kinh nghiệm nghiên cứu có ảnh hưởng quan trọng hoặc rất quan trọng. Năng lực NCKH của GV được cấu thành từ ba yếu tố cơ bản: nền tảng kiến thức chuyên môn, kinh nghiệm nghiên cứu và hệ thống kỹ năng nghiên cứu. Trong đó, kiến thức chuyên môn giúp GV xác định đúng vấn đề nghiên cứu và xây dựng các luận điểm khoa học có giá trị, còn kỹ năng nghiên cứu bảo đảm việc triển khai, hoàn thiện và công bố kết quả nghiên cứu. Chất lượng nghiên cứu của GV chỉ được cải thiện khi năng lực chuyên môn được cập nhật liên tục, kỹ năng nghiên cứu được rèn luyện có hệ thống và kinh nghiệm học thuật được bồi đắp qua thực tiễn.

3.2. Ý thức, động lực nghiên cứu khoa học

Kết quả khảo sát cho thấy tính tích cực, chủ động, tự giác và tư duy khoa học là yếu tố có ảnh hưởng lớn thứ hai đến hoạt động NCKH của GV Học viện Tòa án, với 17/22 GV đánh giá đây là yếu tố quan trọng. Điều này cho thấy bên cạnh năng lực nghiên cứu, động lực và thái độ của GV đối với hoạt động nghiên cứu cũng giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Tính tích cực, chủ động và tự giác thúc đẩy GV chủ động tìm kiếm tri thức mới, phát hiện các vấn đề nghiên cứu từ thực tiễn hoạt động tư pháp và không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn. Đồng thời, tư duy khoa học giúp GV xem xét vấn đề nghiên cứu trên cơ sở khách quan, logic và có căn cứ. Sự kết hợp giữa động lực nghiên cứu và tư duy khoa học vì thế trở thành nền tảng thúc đẩy GV Học viện Tòa án nâng cao giá trị học thuật của các công trình nghiên cứu.

3.3. Các điều kiện, phương tiện phục vụ, hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học

Kết quả phân tích dữ liệu khảo sát cho thấy các điều kiện bảo đảm cho hoạt động nghiên cứu có tác động rõ rệt đến hiệu quả khoa học của GV Học viện Tòa án. Cụ thể, 13/22 GV đánh giá môi trường học thuật, mức độ hỗ trợ nghiên cứu và khối lượng công việc chuyên môn là những yếu tố có ảnh hưởng rất lớn; đồng thời, 11/22 GV cho rằng nguồn kinh phí giữ vai trò đáng kể đối với kết quả nghiên cứu. Những số liệu này cho thấy hiệu quả nghiên cứu không chỉ được quyết định bởi năng lực và động lực cá nhân mà còn phụ thuộc vào mức độ thuận lợi của môi trường học thuật, khả năng đáp ứng về cơ sở vật chất, nguồn tài chính và sự bố trí hợp lý thời gian dành cho nghiên cứu. Sự bảo đảm đồng bộ các điều kiện này là cơ sở để GV duy trì hoạt động nghiên cứu ổn định và nâng cao giá trị khoa học của sản phẩm nghiên cứu.

3.4. Các chủ trương chính sách về nghiên cứu khoa học

Cùng với các điều kiện và phương tiện hỗ trợ nghiên cứu, các chủ trương chính sách về NCKH cũng được các GV Học viện Tòa án đánh giá là một trong những yếu tố có ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động NCKH. Kết quả khảo sát cho thấy chủ trương, chính sách về NCKH là một trong những yếu tố có ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động NCKH của GV Học viện Tòa án, với 13/22 GV lựa chọn chế độ, chính sách đãi ngộ và 12/22 GV lựa chọn đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Các chủ trương, chính sách nêu trên vừa xác lập khuôn khổ pháp lý, vừa định hình phương hướng, nhiệm vụ và phương thức tổ chức hoạt động khoa học tại các cơ sở giáo dục đại học. Trên cơ sở đó, Học viện Tòa án có căn cứ để hoạch định định hướng phát triển nghiên cứu, hoàn thiện hệ thống quy định nội bộ và thiết lập cơ chế thúc đẩy sự tham gia của đội ngũ GV, qua đó gia tăng hiệu quả và giá trị học thuật của các sản phẩm khoa học.

Như vậy, mặc dù không trực tiếp quyết định năng lực hay động lực nghiên cứu của GV, nhưng đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước giữ vai trò định hướng và tạo môi trường pháp lý cho hoạt động NCKH. Mức độ đầy đủ, đồng bộ và phù hợp của hệ thống chính sách

có ảnh hưởng đáng kể đến hiệu quả tổ chức và chất lượng hoạt động NCKH của GV Học viện Tòa án.

3.5. Thực tiễn tổ chức và kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên tại Học viện Tòa án

Thực tiễn tại Học viện Tòa án cho thấy, trong những năm qua, hoạt động NCKH của GV đã từng bước được quan tâm tổ chức, tạo điều kiện và gắn với nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu và thực tiễn hoạt động tư pháp. Đây là cơ sở thực tiễn quan trọng để kiểm chứng kết quả khảo sát về các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng NCKH của GV.

Trước hết, Học viện đã từng bước hoàn thiện cơ chế quản lý và tổ chức hoạt động NCKH. Cụ thể, ngày 16/10/2019, Học viện đã ban hành “Quy định quản lý và thực hiện hoạt động khoa học”, sau một thời gian thực hiện, nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn và tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý, ngày 02/6/2021 Giám đốc Học viện Tòa án đã ký Quyết định số 48/QĐ-HVTA Ban hành Quy định quản lý và hoạt động khoa học của Học viện Tòa án thay thế quy định trước đó. Việc xây dựng và hoàn thiện các quy định nội bộ đã tạo cơ sở để xác định nhiệm vụ, quy trình tổ chức, quản lý và đánh giá hoạt động khoa học, đồng thời tạo khuôn khổ để GV tham gia các nhiệm vụ NCKH.

Trên cơ sở đó, Học viện đã triển khai NCKH dưới nhiều hình thức như thực hiện các đề tài khoa học, biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy, viết bài công bố trên các tạp chí chuyên ngành, tham gia hội thảo, tọa đàm và các hoạt động trao đổi học thuật. Trong giai đoạn 2015 - 2025, Học viện đã triển khai 09 đề tài cấp Bộ/Vụ; giai đoạn 2020 - 2025 có 17 đề tài cấp Học viện. Mặc dù chưa có đề tài cấp Nhà nước, kết quả trên cho thấy hoạt động NCKH đã được duy trì tương đối ổn định và từng bước trở thành một bộ phận của hoạt động chuyên môn tại Học viện.

Hoạt động NCKH cũng từng bước gắn với nhiệm vụ đào tạo. Năm 2019, với sự hỗ trợ của KOICA, Học viện đã tổ chức biên soạn 17 giáo trình phục vụ đào tạo. Quá trình biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy đã tạo điều kiện để GV cập nhật kiến thức, tổng hợp kết quả nghiên cứu và kinh nghiệm thực tiễn, qua đó góp phần nâng cao chất lượng chuyên môn và phục vụ trực tiếp hoạt động đào tạo. Đây cũng là biểu hiện cụ thể của sự gắn kết giữa NCKH với giảng dạy tại Học viện.

Về nguồn nhân lực, đến tháng 01/2026, Học viện có 36 GV cơ hữu, trong đó có 02 phó giáo sư, 13 tiến sĩ, 15 thạc sĩ và 06 trợ giảng có trình độ đại học. Đây là lực lượng nòng cốt thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và NCKH, đồng thời tạo tiền đề để phát triển các hướng nghiên cứu chuyên sâu theo lĩnh vực pháp luật và hoạt động tư pháp. Kết quả khảo sát cũng cho thấy 18/22 GV đánh giá năng lực NCKH là yếu tố có ảnh hưởng lớn đến chất lượng nghiên cứu và 17/22 GV đánh giá tính tích cực, chủ động, tự giác và tư duy khoa học là yếu tố quan trọng. Điều này cho thấy phát triển năng lực và động lực nghiên cứu của đội ngũ là yêu cầu có tính quyết định đối với chất lượng NCKH tại Học viện.

Bên cạnh những kết quả đạt được, kỹ năng NCKH của một bộ phận GV còn hạn chế, bởi có tới 14/22 GV (63,6%) tự đánh giá kỹ năng NCKH chưa thành thạo; trong đó, kỹ năng viết bài khoa học để công bố trên các tạp chí trong nước là một điểm hạn chế đáng lưu ý. Điều này cho thấy, bên cạnh việc tạo điều kiện để GV tham gia các nhiệm vụ nghiên cứu, Học viện cần chú trọng hơn đến bồi dưỡng phương pháp nghiên cứu, kỹ năng xử lý và trình bày kết quả, đặc biệt là kỹ năng viết và công bố các sản phẩm khoa học.

Điều kiện bảo đảm cho NCKH cũng còn những điểm cần tiếp tục hoàn thiện. 22/22 GV được khảo sát cho rằng áp lực giảng dạy và các nhiệm vụ hành chính, chuyên môn khác ảnh hưởng đến quỹ thời gian dành cho nghiên cứu; 15/22 GV, tương đương 68,2%, đánh giá điều kiện cơ sở vật chất và sự hỗ trợ cho hoạt động NCKH chưa đáp ứng đầy đủ. Hệ thống thư viện, nguồn học liệu và hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ nghiên cứu tuy đã được quan tâm nhưng vẫn còn hạn chế về mức độ số hóa, khả năng tiếp cận cơ sở dữ liệu và các công cụ hỗ trợ nghiên cứu.

Như vậy, có thể thấy Học viện Tòa án đã từng bước hình thành cơ chế tổ chức, tạo điều kiện và duy trì hoạt động NCKH của GV, thể hiện qua việc hoàn thiện quy định quản lý, triển khai các nhiệm vụ khoa học, biên soạn giáo trình, tổ chức các hoạt động học thuật và xây dựng đội ngũ có trình độ chuyên môn. Tuy nhiên, kết quả đạt được chưa hoàn toàn tương xứng với yêu cầu và tiềm năng của đội ngũ.

Trong thời gian tới, Học viện cần chuyển từ việc chủ yếu tạo điều kiện để GV tham gia NCKH sang xây dựng môi trường nghiên cứu có chất lượng, trong đó chú trọng phát triển năng lực nghiên cứu, bố trí hợp lý thời gian, tăng cường nguồn lực và hạ tầng nghiên cứu, đồng thời định hướng sản phẩm NCKH gắn chặt hơn với yêu cầu đào tạo và những vấn đề thực tiễn của hoạt động tư pháp.

4. Một số kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên Học viện Tòa án

Từ việc nhận diện 4 nhóm yếu tố có ảnh hưởng sâu sắc đến hoạt động nghiên cứu ở trên, để nâng cao chất lượng NCKH của GV đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp hiện nay, cần triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp ứng với từng cơ sở cụ thể như sau:

4.1. Nhóm giải pháp phát triển năng lực và kỹ năng nghiên cứu khoa học của giảng viên

Do năng lực NCKH là yếu tố mang tính quyết định và có tác động mạnh nhất, Học viện Tòa án cần thường xuyên xây dựng kế hoạch bồi dưỡng năng lực nghiên cứu theo hướng thường xuyên, liên tục và gắn với yêu cầu thực tiễn của hoạt động tư pháp. Bên cạnh việc cập nhật kiến thức chuyên môn, cần chú trọng trang bị cho GV các phương pháp nghiên cứu hiện đại, kỹ năng khai thác cơ sở dữ liệu, xử lý thông tin, nghiên cứu định lượng và công bố quốc tế. Đồng thời, cần hình thành các nhóm nghiên cứu chuyên sâu theo từng lĩnh vực pháp luật, tạo điều kiện để các GV trẻ học hỏi kinh nghiệm từ các nhà khoa học có uy tín, qua đó từng bước nâng cao chất lượng và tính chuyên nghiệp của hoạt động nghiên cứu.

4.2. Nhóm giải pháp khơi dậy ý thức, động lực và tư duy khoa học

Bên cạnh năng lực nghiên cứu, ý thức, động lực và tư duy khoa học là yếu tố quan trọng thúc đẩy GV tham gia hoạt động nghiên cứu một cách chủ động và bền vững. Trên cơ sở đó, Học viện Tòa án cần chú trọng kiến tạo môi trường học thuật cởi mở, khuyến khích sáng tạo, phản biện và tinh thần tự học. Đồng thời, cần tổ chức thường xuyên các diễn đàn, tọa đàm, sinh hoạt chuyên môn và hoạt động trao đổi học thuật để GV chia sẻ ý tưởng, phương pháp, kinh nghiệm nghiên cứu, qua đó hình thành cộng đồng học thuật có tính tương tác và hỗ trợ lẫn nhau.

4.3. Nhóm giải pháp hoàn thiện môi trường và các điều kiện bảo đảm cho hoạt động nghiên cứu khoa học

Để nâng cao hiệu quả hoạt động NCKH, Học viện Tòa án cần chú trọng đầu tư và bảo đảm đầy đủ các điều kiện phục vụ nghiên cứu, hướng tới xây dựng môi trường nghiên cứu hiện đại, đồng bộ và đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Trước hết, cần có cơ chế phân bổ hợp lý giữa nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu và các công việc chuyên môn khác nhằm tạo quỹ thời gian cần thiết cho hoạt động nghiên cứu. Bên cạnh đó, cần đầu tư, nâng cấp hệ thống thư viện, cơ sở dữ liệu điện tử, các phần mềm hỗ trợ nghiên cứu và tăng cường khả năng tiếp cận các nguồn tài liệu khoa học trong nước và quốc tế. Đồng thời, việc duy trì thường xuyên các hội thảo, tọa đàm và sinh hoạt học thuật sẽ góp phần hình thành môi trường nghiên cứu năng động, tạo điều kiện để GV trao đổi học thuật, hợp tác nghiên cứu và nâng cao chất lượng các sản phẩm khoa học.

4.4. Nhóm giải pháp hoàn thiện cơ chế quản lý và chính sách khuyến khích hoạt động nghiên cứu khoa học

Để tạo động lực lâu dài cho hoạt động NCKH, Học viện cần tiếp tục hoàn thiện các cơ chế quản lý và chính sách khuyến khích phù hợp với đặc thù của cơ sở đào tạo nguồn nhân lực cho ngành Tòa án. Cần xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá hoạt động nghiên cứu theo hướng coi trọng chất lượng, hiệu quả và khả năng ứng dụng của sản phẩm nghiên cứu thay vì chỉ chú trọng số lượng. Đồng thời, cần có cơ chế khen thưởng, hỗ trợ kinh phí và ghi nhận thành tích nghiên cứu một cách công bằng, minh bạch nhằm khuyến khích GV tích cực tham gia nghiên cứu. Việc gắn kết kết quả NCKH với công tác quy hoạch, bổ nhiệm, đào tạo và phát triển đội ngũ cũng sẽ tạo động lực mạnh mẽ, góp phần xây dựng văn hóa nghiên cứu bền vững trong Học viện Tòa án.

Xem tiếp trang 169